

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-PT.

Ngày 27 - 3 - 2019.

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca.

Bà Trần Thị Ngọc Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLPT-DS, ngày 24 tháng 01 năm 2019 về “*tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2019/QĐ-PT, ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Việt T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 (có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt).

Bà Trần Thị Cẩm Ng, sinh năm 1971 (vợ ông H, có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp R, xã M, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Việt T trình bày:

Ngày 02/10/2017 bà T trồng 3.300 cây dừa leo tại thửa đất số 2, diện tích 1.650,7m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà T là người thuê đất của ông T để trồng dừa leo). Bà T đã mua hạt giống, rơm khô, tro, phân, thuốc, công lao động làm bùn và công lao động làm cỏ. Tổng chi phí để trồng dừa leo trên 1.650,7m² là 7.190.000 đồng.

Vào năm 2016 chính quyền địa phương có vận động bà con tại 03 ấp N, R và N thuộc xã M làm đê bao khép kín kênh La Zách tổng cộng 38 hộ dân. Nhưng hộ gia đình ông H và bà Ng không đồng ý làm đê bao trên phần đất của ông H. Đến ngày 07/11/2017 nước dâng cao bề đê tại phần đất của ông H, bà Ng làm tràn ngập nước sang phần đất trồng dừa leo của bà T. Ngày 22/11/2017 thì chính quyền địa phương có đến phần đất trồng dừa leo của bà T để xác minh sự việc xảy ra thiệt hại. Sau đó, chính quyền địa phương tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau nhưng phía ông H, bà Ng không đồng ý thỏa thuận bồi thường.

Bà T khởi kiện yêu cầu ông H và bà Ng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà T tổng số tiền là 4.219.500 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng trình bày:

Vào ngày 17/5/2016 thì chính quyền địa phương có vận động bà con tại 03 ấp N, R và N thuộc xã M làm đê bao khép kín kênh La Zách nhưng gia đình ông H và bà Ng không đồng ý làm đê bao trên đất của gia đình ông H vì Nhà nước không hỗ trợ tiền cây cam trên đất cho gia đình ông H, trong khi các cây cam trên đất của ông H đang ra trái. Sau đó gia đình ông H tự đắp bờ đê ngăn nước tại phần đất của gia đình ông H. Vào ngày 19/09/2017 âm lịch do thả thông 02 ống bông ngoài kênh La Zách phi 100, cộng với triều cường nước lên cao làm vỡ đê 02 đoạn khoảng 02 mét trên mặt liếp tại đất của ông H, bà Ng làm cho nước tràn ngập sang đất của bà T đang trồng dừa leo. Ông H, bà Ng chấp nhận bồi thường thiệt hại tài sản cho bà T bằng số tiền là 2.109.750 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng có ông Nguyễn Văn H làm đại diện: Ông H và bà Ng tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Việt T số tiền là 2.109.750 đồng (hai triệu một trăm lẻ chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Đồng thời buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng có ông Nguyễn Văn H làm đại diện theo ủy quyền bồi thường tiếp cho bà Nguyễn Việt T số tiền là 2.109.750 đồng (hai triệu một trăm lẻ chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Tổng cộng số tiền mà phía ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng có ông Nguyễn Văn H làm đại diện theo ủy quyền bồi thường cho phía bà Nguyễn Việt T là 4.219.500 đồng (bốn triệu hai trăm mười chín ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định và định giá tài sản, về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03/12/2018 bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 68/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, Ông H, bà Ng không chấp nhận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà T.

- Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/3/2019: Ông H đề nghị Tòa xét xử vắng mặt và ông đồng ý với ý kiến của vợ là bà Ng tại phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Cẩm Ng xác định: Bà Ng và ông H chấp nhận liên đới bồi thường 50% thiệt hại cho bà T bằng số tiền 2.109.000 đồng và tự nguyện chịu 50% chi phí định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Việt T đồng ý theo sự tự nguyện bồi thường của ông H và bà Ng. Bà T tự nguyện chịu 50% chi phí định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm là 200.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng;

Ý kiến của Kiểm sát viên về kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng và đề nghị sửa án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn bà T với bị đơn ông H và bà Ng, ông H và bà Ng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà T bằng tổng số tiền là 2.109.000 đồng và hoàn trả cho bà T 200.000 đồng chi phí định giá. Bà T tự chịu 200.000

đồng chi phí định giá. Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục: Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng kháng cáo trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

- Về nội dung:

[1] Xét thấy tại phiên tòa phía bị đơn ông H và bà Ng chấp nhận bồi thường thiệt hại cho bà T số tiền 2.109.000 đồng. Nguyên đơn bà T đồng ý theo sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của vợ chồng ông H, bà Ng cho bà T số tiền 2.109.000 đồng.

Về chi phí định giá: Nguyên đơn bà T tự nguyện chịu 200.000 đồng chi phí định giá. Ông H và bà Ng tự nguyện chịu 200.000 đồng chi phí định giá để hoàn trả lại cho bà T.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về án phí: Ông H và bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do sửa án sơ thẩm nên ông H và bà Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình;

Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Việt T tổng số tiền là 2.109.000 đồng (hai triệu một trăm lẻ chín ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định và định giá tài sản tranh chấp:

Bà Nguyễn Việt T tự nguyện chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) chi phí định giá. Khấu trừ vào số tiền bà T đã nộp tạm ứng 400.000 đồng, nên bà T không phải nộp thêm.

Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng tự nguyện chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) chi phí định giá. Do bà T đã nộp tạm ứng 400.000 đồng, nên buộc ông H và bà Ng nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho bà T.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 600.000 đồng theo biên lai thu số 0011428, 0011429 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Hoàn trả ông H và bà Ng số tiền nộp tạm ứng án phí còn lại là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả bà Nguyễn Việt T số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010780 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND H Tam Bình: 01b;
- THADS H Tam Bình: 02b;
- Đ/sự: 04b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường